

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 552/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2017 giữa:

- *Nguyên đơn*: Chị Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 243C Lý Thường K, Phường Năm, thành phố MT, Tiền Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Mỹ P, xã Mỹ Ph, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1987.

Địa chỉ: 243C Lý Thường K, Phường Năm, thành phố MT, Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2017.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Ngọc T và anh Nguyễn Thành N.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Giao 02 con chung là Nguyễn Ngọc N1, sinh ngày 01/12/2012 và Nguyễn Nhân N2, sinh ngày 21/01/2015 cho chị Nguyễn Ngọc T

trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Thành N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/02 cháu cho đến khi các cháu tròn 18 tuổi lao động được.

Anh Nguyễn Thành N được quyền đến thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

Kể từ ngày chị Nguyễn Ngọc T có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Nguyễn Thành N chậm thi hành án thì anh N còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Ngọc T tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng mà chị T đã nộp theo biên lai thu số 32415 ngày 03 tháng 10 năm 2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố MT, nên chị T được hoàn lại 150.000 đồng.

Anh Nguyễn Thành N phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND TP. MT, TG;
- UBND Phường 5, TP. MT, TG;
- Chi cục T.H.A DS TP.MT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Đinh Thị Sang**